

Số: 2019/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 02 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Giáo dục trung học, Giáo dục tiểu học, Cơ sở giáo dục khác, Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Giáo dục, đào tạo với nước ngoài, Giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo,  
Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐCP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-BGDĐT ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục tiểu học, lĩnh vực giáo dục trung học, lĩnh vực cơ sở giáo dục khác thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 1426/QĐ-BGDĐT ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo với nước ngoài; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3889/TTr-SGDĐT ngày 01/6/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Giáo dục trung học, Giáo dục tiểu học, Cơ sở giáo dục khác, Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Giáo dục, đào tạo với nước ngoài, Giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau *(kèm theo Danh mục)*.

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính được nêu tại khoản 1 Điều này *(kèm theo Quy trình)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công khai, không công khai Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình được nêu tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KSTTHC (TC<sub>34/5</sub>).
- Lưu: VT.KT213/26.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Minh Luân**

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC,**  
**GIÁO DỤC TIỂU HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC**  
**VÀ ĐÀO TẠO, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**  
*(Kèm theo Quyết định số: 2019/QĐ-UBND ngày 02/6//2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**\* CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

- **Cấp tỉnh:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính đến Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cà Mau hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> *(nếu đủ điều kiện theo quy định)*.

- **Cấp xã:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; hoặc nộp qua Dịch vụ bưu chính công ích, nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> *(nếu đủ điều kiện theo quy định)*.

- **Thời gian tiếp nhận:** Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

| STT                                 | Mã số TTHC             | Tên TTHC được thay thế | Tên TTHC thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú     |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------|---------------------|--------------------|-------------|----------------|-------------|
| <b>Lĩnh vực: Giáo dục trung học</b> |                        |                        |                   |                     |                    |             |                |             |
| 1                                   | 1.012958.000.00.00.H12 | Thành lập              | Thành lập         | Trong               | - Địa              | Không       | Nghị định số   | Các bộ phận |

| STT | Mã số TTHC             | Tên TTHC được thay thế                                                            | Tên TTHC thay thế                                                                                                                 | Thời hạn giải quyết                                                                                                         | Địa điểm thực hiện                                                                                                                     | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                            | Ghi chú                                                                                                               |
|-----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                        | hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên                         | hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông. | thời hạn 12 ngày làm việc ( <i>cắt giảm 03/15 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i> ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đúng quy định. | điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.<br>- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh. |             | 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</i> | tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012944” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. |
| 2   | 1.012959.000.00.00.H12 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao |                                                                                                                                   |                                                                                                                             |                                                                                                                                        |             |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                       |
| 3   | 3.000301.000.00.00.H12 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật                |                                                                                                                                   |                                                                                                                             |                                                                                                                                        |             |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                       |
| 4   | 1.005008.000.00.00.H12 | Cho phép                                                                          | Cho phép                                                                                                                          | Trong                                                                                                                       | - Địa                                                                                                                                  | Không       | Nghị định số                                                                                                                                                                                              | Các bộ phận                                                                                                           |

| STT | Mã số TTHC             | Tên TTHC được thay thế                                                      | Tên TTHC thay thế                                                                                                           | Thời hạn giải quyết                                                                                                       | Địa điểm thực hiện                                                                                                                       | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                            | Ghi chú                                                                                                               |
|-----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                        | trường trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục                 | trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục | thời hạn 12 ngày làm việc <i>(cắt giảm 03/15 ngày làm việc, tỷ lệ 20%)</i> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đúng quy định. | điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.<br>- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo. |             | 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</i> | tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012954” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. |
| 5   | 3.000297.000.00.00.H12 | Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục |                                                                                                                             |                                                                                                                           |                                                                                                                                          |             |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                       |
| 6   | 3.000302.000.00.00.H12 | Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục                |                                                                                                                             |                                                                                                                           |                                                                                                                                          |             |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                       |
| 7   | 3.000306.000.00.00.H12 | Thành lập, cho phép thành lập lớp                                           |                                                                                                                             |                                                                                                                           |                                                                                                                                          |             |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                       |

| STT | Mã số TTHC             | Tên TTHC được thay thế                                                                                                                                                                                                     | Tên TTHC thay thế           | Thời hạn giải quyết    | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                               | Ghi chú                              |
|-----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------|--------------------|-------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|
|     |                        | dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông |                             |                        |                    |             |                                              |                                      |
| 8   | 1.004999.000.00.00.H12 | Sáp nhập, chia, tách trường trung                                                                                                                                                                                          | Sáp nhập, chia, tách trường | Trong thời hạn 12 ngày | - Địa điểm tiếp    | Không       | Nghị định số 125/2024/NĐ-CP;<br>Nghị định số | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại |

| STT | Mã số TTHC             | Tên TTHC được thay thế                                               | Tên TTHC thay thế                                                                                 | Thời hạn giải quyết                                                                               | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                   | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                      |
|-----|------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                        | học phổ thông chuyên                                                 | trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông | làm việc (cắt giảm 03/15 ngày làm việc, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đúng quy định. | nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.<br>- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo. |             | 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP. | của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012955” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. |
| 9   | 3.000299.000.00.00.H12 | Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao |                                                                                                   |                                                                                                   |                                                                                                                                                      |             |                                                                                                                                                                       |                                                                                              |
| 10  | 3.000304.000.00.00.H12 | Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật                |                                                                                                   |                                                                                                   |                                                                                                                                                      |             |                                                                                                                                                                       |                                                                                              |

| STT | Mã số TTHC             | Tên TTHC được thay thế                                                                                        | Tên TTHC thay thế                                                                                                                                                      | Thời hạn giải quyết                                                                                                               | Địa điểm thực hiện                                                                                                                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                           |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11  | 1.004991.000.00.00.H12 | Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)               | Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) | Trong thời hạn 08 ngày làm việc ( <i>cắt giảm 02/10 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i> ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đúng quy định. | - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.<br><br>- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh. | Không       | Nghị định số 125/2024/NĐ-CP;<br>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;<br>Nghị định số 86/2018/NĐ-CP;<br>Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;<br>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP;<br>Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP;<br><i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</i> | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012956” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. |
| 12  | 3.000300.000.00.00.H12 | Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) | Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)                                                                               |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                   |
| 13  | 3.000305.000.00.00.H12 | Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị                                                       |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                   |

| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC được thay thế                 | Tên TTHC thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------------------------|-------------------|---------------------|--------------------|-------------|----------------|---------|
|     |            | của tổ chức, cá nhân thành lập trường) |                   |                     |                    |             |                |         |

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

| STT                                | Mã số TTHC             | Tên TTHC được thay thế                                                                                                                          | Tên TTHC thay thế                           | Thời hạn giải quyết                                                                           | Địa điểm thực hiện                                                          | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                  | Ghi chú                                                                                                                           |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Lĩnh vực: Giáo dục tiểu học</b> |                        |                                                                                                                                                 |                                             |                                                                                               |                                                                             |             |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                   |
| 1                                  | 3.000309.000.00.00.H12 | Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục | Trong thời hạn 08 ngày làm việc (giảm từ 10 còn 08 ngày, (2/10) 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính | Không       | Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “2.001842” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. |

| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC được thay thế                                                                                                                           | Tên TTHC thay thế                                                                               | Thời hạn giải quyết                                                                                   | Địa điểm thực hiện                                                          | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                                                                                                                           |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở |                                                                                                 | hợp lệ đúng quy định.                                                                                 | công cấp xã.<br>- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.        |             | <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.</i>                                                                                                                                                         |                                                                                                                                   |
|     |            |                                                                                                                                                  | Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung | Trong thời hạn 08 ngày làm việc ( <i>cắt giảm 02/10 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i> ) kể từ ngày nhận đủ | - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính | Không       | Nghị định số 125/2024/NĐ-CP;<br>Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;<br>Nghị định số 86/2018/NĐ-CP;<br>Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;<br>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP;<br>Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012965” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. |

| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC<br>được thay thế | Tên<br>TTHC<br>thay thế | Thời<br>hạn giải<br>quyết            | Địa<br>điểm<br>thực<br>hiện                                                                     | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý                             | Ghi chú |
|-----|------------|---------------------------|-------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------|---------|
|     |            |                           | học                     | hồ sơ<br>hợp lệ<br>đúng quy<br>định. | công<br>cấp xã.<br>- Cơ<br>quan,<br>đơn vị<br>thực<br>hiện:<br>Ủy ban<br>nhân<br>dân cấp<br>xã. |                | <i>Nghị quyết số<br/>66.18/2026/NQ-CP.</i> |         |

**Ghi chú:** Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Tổng số Danh mục có 06 TTHC (trong đó: 04 TTHC cấp tỉnh; 02 TTHC cấp xã)/.**

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
**KHÁC, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC**  
**DÂN, GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI, GIÁO DỤC NGHỀ**  
**NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ**  
**ĐÀO TẠO TỈNH CÀ MAU**

*(Kèm theo Quyết định số: 2019/QĐ-UBND ngày 02/6/2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

| STT      | Mã số TTHC                                        | Tên TTHC                                        | Căn cứ văn bản quy định bãi bỏ TTHC                                                                                                        | TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương hết hiệu lực                                                                                                                                    |
|----------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực: Giáo dục, đào tạo với nước ngoài</b> |                                                 |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                 |
| 1        | 1.001499.000.00.00.H12                            | Phê duyệt liên kết giáo dục                     | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh | Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành |
| 2        | 1.001497.000.00.00.H12                            | Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh | Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này                      |

|   |                        |                                                                                |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                 |
|---|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                        |                                                                                |                                                                                                                                            | có hiệu lực thi hành                                                                                                                                                                            |
| 3 | 1.001496.000.00.00.H12 | Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết         | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh | Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành |
| 4 | 2.000729.000.00.00.H12 | Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh | Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành |
| 5 | 2.000688.000.00.00.H12 | Chấm dứt, liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh | Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này                      |

|            |                                         |                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                 |
|------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                         |                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                            | có hiệu lực thi hành                                                                                                                                                                            |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp</b>   |                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                 |
| 6          | 1.000167.000.00.00.H12                  | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh | Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành |
| 7          | 1.010928.000.00.00.H12                  | Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp                        | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh | Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác</b> |                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                 |
| 8          | 1.004988.000.00.00.H12                  | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt                                                                                                                                                        | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm,                                                       | Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân                                                                                                                                   |

|    |                        |                                                                                     |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                 |
|----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                        | động trở lại                                                                        | đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh                                                                                      | tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành                                                               |
| 9  | 3.000298.000.00.00.H12 | Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh | Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành |
| 10 | 3.000303.000.00.00.H12 | Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại                | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh | Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành |

**Tổng số Danh mục có 10 TTHC./.**

**QUY TRÌNH**  
**NỘI BỘ, LIÊN THÔNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**ĐƯỢC THAY THẾ LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC, GIÁO DỤC**  
**TIỂU HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC**  
**VÀ ĐÀO TẠO, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ**  
**MAU**

*(Kèm theo Quyết định số: 2019/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**\* Nhóm 3 TTHC:**

**1. Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (Mã số TTHC: 1.012944).**

**2. Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 1.012954);**

**3. Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (Mã số TTHC: 1.012955).**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đúng quy định, trong đó:

- Tại Sở Giáo dục và Đào tạo: 09 ngày làm việc;
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 ngày làm việc.

**b) Quy trình giải quyết:**

**\* Quy trình giải quyết tại Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Phòng chuyên môn để xử lý hồ sơ. Thời gian: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Sở GDĐT ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định

(trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do). Thời gian: 8,5 ngày làm việc

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định. Thời gian: 0,25 ngày làm việc.

**\* Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Giáo dục và Đào tạo, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 2,5 ngày làm việc (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày làm việc.

**4. Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (Mã số TTHC: 1.012956).**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đúng quy định, trong đó:

- Tại Sở Giáo dục và Đào tạo: 05 ngày làm việc;
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 ngày làm việc.

**b) Quy trình giải quyết:**

**\* Quy trình giải quyết tại Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Phòng chuyên môn để xử lý hồ sơ. Thời gian: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét, duyệt, trình lãnh đạo Sở GDĐT ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*). Thời gian: 4,5 ngày làm việc

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định. Thời gian: 0,25 ngày làm việc.

**\* Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Giáo dục và Đào tạo, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 2,5 ngày làm việc (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày làm việc.

## **II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

**\* Nhóm 2 TTHC:**

**1. Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 2.001842).**

**2. Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 1.012965).**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đúng quy định.

**b) Quy trình giải quyết:**

Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp xã (*Phòng chuyên môn*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng chuyên môn cấp xã tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, thẩm định hồ sơ (chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan), hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*) chuyển lãnh đạo Phòng duyệt, trình UBND cấp xã ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 7,5 ngày làm việc (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết*

*quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**Ghi chú:** Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quy trình kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Lưu ý:** *Đối với các Quy trình liên thông như trên đơn vị nào nhận hồ sơ đầu vào xuất phiếu hẹn phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện hết các Quy trình (từ khi nhận hồ sơ đầu vào đến khi kết thúc các quy trình, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân) và để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trước 01 buổi. Đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng theo Quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử theo quy định./.*